

Số: 15/QĐ-UBND

Khôi Kỳ, ngày 07 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Công bố công khai dự toán Ngân sách xã Khôi Kỳ năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHÔI KỲ

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách;

Thực hiện Quyết định số: 8118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND huyện Đại Từ. V/v giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 huyện Đại Từ;

Thực hiện Nghị quyết số: 18/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND xã Khôi Kỳ khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại kỳ họp thứ 3 về việc điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách xã năm 2021, Phân bổ dự toán năm 2022 xã Khôi Kỳ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã Khôi Kỳ năm 2022.
(Theo các biểu chi tiết đính kèm).

(Thời gian niêm yết từ ngày 07/01/2022)

Điều 2. Công chức Văn phòng - Thống kê, Tài chính- Kế toán UBND xã Khôi Kỳ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC Huyện Đại Từ;
- Đảng uỷ, HĐND (b/c)
- UBMTTQ, các đoàn thể;
- Các đại biểu HĐND;
- Lưu VP.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đoàn

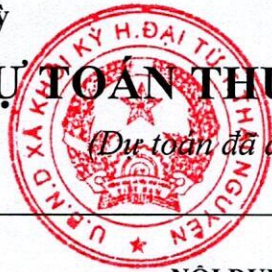
CÁN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	6.059.553.000	TỔNG SỐ CHI	6.059.553.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	72.600.000	I. Chi đầu tư phát triển	5.892.518.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	307.400.000	II. Chi thường xuyên	167.035.000
III. Thu bổ sung	5.609.476.000	III. Dự phòng	
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.609.476.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn	70.077.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phân trăm (%) cho xã.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu	6.059.553.000	6.059.553.000
I	Các khoản thu 100%	72.600.000	72.600.000
1	Phí, lệ phí	52.600.000	52.600.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác	20.000.000	20.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	307.400.000	307.400.000
1	Các khoản thu phân chia	58.400.000	58.400.000
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	8.400.000	8.400.000
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	50.000.000	50.000.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	249.000.000	249.000.000
2.1	Thu tiền sử dụng đất		
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		
2.3	Thuế tài nguyên		
2.4	Thuế giá trị gia tăng	33.000.000	33.000.000
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	216.000.000	216.000.000
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn	70.077.000	70.077.000
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.609.476.000	5.609.476.000
1	Thu bổ sung cân đối	5.609.476.000	5.609.476.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	6.059.553.000		6.059.553.000
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế	101.916.000		101.916.000
4	Chi văn hóa, thông tin	25.000.000		25.000.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	6.100.000		6.100.000
6	Chi thể dục, thể thao	22.500.000		22.500.000
7	Chi bảo vệ môi trường			
8	Chi các hoạt động kinh tế	31.500.000		31.500.000
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.454.425.000		5.454.425.000
10	Chi cho công tác xã hội	181.000.000		181.000.000
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	156.000.000		156.000.000
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa			
	Trợ cấp xã hội	25.000.000		25.000.000
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng			
	Khác			
11	Chi khác	70.077.000		70.077.000
12	Dự phòng, tiết kiệm chi	167.035.000		167.035.000

KẾ HOẠCH (NHU) CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định)

Tên công trình	Ước thực hiện năm 2021			Kế hoạch năm 2022		
	Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch
Tổng số	139.655.000	146.840.000	-7.185.000	139.400.000	139.400.000	0
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
Quỹ tình nghĩa	15.820.000	8.451.000	7.369.000	15.700.000	15.700.000	
Quỹ trẻ thơ	16.510.000	15.599.000	911.000	16.400.000	16.400.000	
Quỹ vì người nghèo	16.070.000	30.782.000	-14.712.000	16.300.000	16.300.000	
Quỹ khuyến học	16.660.000	13.783.000	2.877.000	16.500.000	16.500.000	
Quỹ nhân đạo	16.500.000	16.983.000	-483.000	16.500.000	16.500.000	
Quỹ chăm sóc người cao tuổi	26.085.000	29.232.000	-3.147.000	26.000.000	26.000.000	
Quỹ phòng chống thiên tai	32.010.000	32.010.000	0	32.000.000	32.000.000	
2. Các hoạt động sự nghiệp						
Chợ						
Bến bãi						

Chênh lệch (-) do tồn cuối kỳ năm trước chuyển sang

**CÔNG KHAI THUYẾT MINH
Dự toán ngân sách xã Khôi Kỳ năm 2022**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/ND-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách;

Thực hiện Quyết định số: 8118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND huyện Đại Từ. V/v giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 huyện Đại Từ;

Thực hiện Nghị quyết số: 18/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND xã Khôi Kỳ khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại kỳ họp thứ 3 về việc điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách xã năm 2021, Phân bổ dự toán năm 2022 xã Khôi Kỳ,

UBND xã Khôi Kỳ thuyết minh dự toán ngân sách xã Khôi Kỳ năm như sau:

1. Thu ngân sách:

Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Nghị quyết đại hội đảng bộ xã Khôi Kỳ nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra, trên cơ sở số thực hiện 10 tháng, ước thực hiện cả năm 2021 và dự báo các nguồn thu năm 2022 để tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm do thực hiện các văn bản Pháp luật liên quan ban hành để xây dựng dự toán thu năm 2022.

Dự toán thu ngân sách năm 2022 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành. Trên cơ sở đánh giá tình hình thu ngân sách năm 2021, cần phân tích dự báo các tác động của thiên tai, dịch bệnh và các nhân tố khác làm thay đổi tình hình sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh, thu nhập của nhân dân.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU (I+II+...VI)	6.059.553.000	6.059.553.000
I	Thu ngoài quốc doanh	33.000.000	33.000.000
	Thuế hộ khoán cố định (GTGT)	33.000.000	33.000.000
II	Phí-Lệ phí	61.000.000	61.000.000
1	Phí môn bài	8.400.000	8.400.000
2	Lệ phí chứng thư	52.600.000	52.600.000
III	Thuế thu nhập cá nhân	216.000.000	216.000.000
	- Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	200.000.000	200.000.000
	- Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	16.000.000	16.000.000
IV	Lệ phí trước bạ nhà đất	50.000.000	50.000.000
V	Thu khác tại xã	20.000.000	20.000.000
VI	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương	70.077.000	70.077.000
VII	Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên	5.609.476.000	5.609.476.000
	- Thu trợ cấp cân đối	5.609.476.000	5.609.476.000

2. Chi ngân sách.

Xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2022 phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức chi và theo chế độ tài chính hiện hành của nhà nước và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025. Thực hành triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khi xác định nhiệm vụ chi và dự toán chi, đảm bảo công khai, minh bạch. Chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ theo mức độ cấp thiết, quan trọng, đáp ứng yêu cầu, theo chế độ, chính sách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể:

2.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Phân bổ theo nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư xây dựng năm 2022, khi nào có quyết định giao vốn sẽ bổ sung kế hoạch vốn theo quy định.

2.2. Chi thường xuyên: Dự toán chi thường xuyên năm 2022 sẽ thực hiện phân bổ theo Nghị quyết chi thường xuyên của HĐND tỉnh. Cụ thể như sau:

Chi ngân sách cấp xã theo định mức 105.000.000đ/ biên chế/ năm.

Ban thanh tra ND: 5.000.000 đ/ năm; BGS đầu tư cộng đồng: 10.000.000 đồng/ năm, hoạt động của khu dân cư: 5.000.000đ/KDC/năm; BCD toàn dân ĐK XD ĐSVH ở KDC: 45.000.000/năm

Chi khác đoàn thể 10.000.000đ/đoàn thể/năm, riêng MTTQ phân bổ 12.000.000đ/năm.

Chi sự nghiệp văn hoá thông tin: 35.000.000đ/ năm; sự nghiệp thể dục thể thao: 25.000.000đ/năm

Chi An ninh, Quốc phòng 75.000.000đ/ năm.

Chi sự nghiệp kinh tế: 35.000.000đ/năm.

(Các ngành sẽ thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên số tiền trên để đảm bảo cho việc cải cách tiền lương, tiết kiệm chi thường xuyên không bao gồm lương và các khoản phụ cấp)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2022
Tổng chi ngân sách xã (I+II+III+IV+V)	6.059.553.000
I/ Chi đầu tư phát triển	
II/ Chi thường xuyên (1+...11)	5.822.441.000
1. Chi Quốc phòng - an ninh	972.448.000
* Chi dân quân tự vệ	559.448.000
- Lương, phụ cấp	384.600.000
- Chi hoạt động	40.000.000
- Chi huấn luyện dân quân (82)	134.848.000
* Chi an ninh trật tự	413.000.000
- Lương, phụ cấp	353.000.000
- Chi hoạt động	60.000.000
2. Sự nghiệp giáo dục	
3. Sự nghiệp y tế	101.916.000
4. Sự nghiệp văn hóa thông tin, truyền thanh	31.500.000
5. Sự nghiệp thể dục thể thao	22.500.000
6. Sự nghiệp kinh tế	31.500.000
- Sự nghiệp giao thông	21.500.000
- Sự nghiệp nông - lâm - thủy lợi	
- Sự nghiệp khác	10.000.000
7. Sự nghiệp môi trường	
8. Chi sự nghiệp xã hội	181.000.000
- Chi trợ cấp hưu xã	156.000.000

- Chi khác xã hội	25.000.000
9. Chi quản lý NN, Đảng, ĐTHỂ	4.481.577.000
* Ủy ban nhân dân	2.174.389.000
- Lương, phụ cấp	1.844.389.000
- Chi hoạt động QLNN	330.000.000
* Hội đồng nhân dân	307.000.000
- Lương, phụ cấp	252.000.000
- Chi hoạt động HĐND	55.000.000
* Đảng cộng sản Việt Nam	802.000.000
- Lương, phụ cấp	702.000.000
- Chi hoạt động	100.000.000
* Mặt trận tổ quốc Việt Nam	509.000.000
- Lương, phụ cấp, BCT MT	145.000.000
- Chi PC MT xóm	197.000.000
- Chi hoạt động của UBMTTQ	12.000.000
- Chi Ban thanh tra nhân dân	5.000.000
- Chi Ban giám sát cộng đồng	10.000.000
- Chi các cụm dân cư, BCD	140.000.000
* Đoàn TNiên CS HCM	145.000.000
- Lương, phụ cấp	120.000.000
- Chi hoạt động	25.000.000
* Hội Phụ nữ Việt Nam	120.000.000
- Lương, phụ cấp	110.000.000
- Chi hoạt động	10.000.000
* Hội Cựu chiến binh	153.000.000
- Lương, phụ cấp	128.000.000
- Chi hoạt động	25.000.000
* Hội Nông dân Việt Nam	135.000.000
- Lương, phụ cấp	125.000.000
- Chi hoạt động	10.000.000
* Hội Chữ thập đỏ (824-362)	21.456.000
- Phụ cấp bao gồm cả chi hội cơ sở	21.456.000
* Hội Người cao tuổi (825-362)	66.456.000
- Phụ cấp bao gồm cả chi hội cơ sở	21.456.000
- Mừng thọ	45.000.000
* Hội Khuyến Học (826-362)	16.092.000
- Phụ cấp	16.092.000

* Hội Thanh niên XP (811-362)	16.092.000
- Phụ cấp	16.092.000
* Hội Đa cam (814-362)	16.092.000
- Phụ cấp	16.092.000
III. Dự phòng	110.000.000
IV. Tiết kiệm 10%	57.035.000
V. Chuyển nguồn CCTL	70.077.000

Trên đây là thuyết minh dự toán ngân sách xã Khôi Kỳ năm 2021.

Nơi nhận:

- Phòng TC Huyện Đại Từ;
- ĐU, HĐND;
- UB MTTQ, các đoàn thể;
- Các đại biểu HĐND;
- Trường xóm;
- Lưu VP.



Nguyễn Văn Đoàn

